

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ. H
TỈNH K. T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS- ST

Ngày: 31/3/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ. H TỈNH K. T

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:** Ông Quách Văn N

- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Hà Văn Th
2. Bà Lê Ngọc A

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Th - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.
H.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H tham gia phiên tòa:** Bà Lê
Thị Khánh L - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh
K. T, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2022/TLST
– DS ngày 25/10/2022 về việc “*Kiện đòi tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét
xử sơ thẩm số 02/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 2 năm 2023 và Quyết định
hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 10/3/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1977 và chị Bùi Ý Y, sinh
năm 1980. Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Đ. L, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Đều có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Dương Văn T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn Tân Lập B, xã
Đ. Hr, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2022, bản tự khai ngày 21/10/2022,
28/10/2022 lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Ý
Y và anh Nguyễn Văn D trình bày:

Trước năm 2021 do vợ chồng tôi làm cạnh rẫy nhà anh Dương Văn T nên
chúng tôi có đứng ra nhận nợ phân bón cho anh T một số tiền là 55.000.000 đồng
và sau đó anh T đã nhận nợ với vợ chồng chúng tôi số tiền trên vào ngày
24/5/2021, anh Tiến hứa cuối năm 2021 sẽ trả cho vợ chồng tôi số tiền trên. Sau
đó vợ chồng chúng tôi đã đòi rất nhiều lần mà anh T không trả tiền cho vợ chồng
chúng tôi. Nay chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Dương Văn T trả
cho chúng tôi số tiền gốc là 55.000.000 đồng và lãi từ ngày 24/5/2021 đến
24/8/2022 là 8.250.000 đồng. Tổng số tiền chúng tôi yêu cầu anh T phải trả cho
chúng tôi là 63.250.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Ngoài ra chúng tôi không có yêu cầu gì thêm.

Về phía bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn và tiến hành xác minh nơi cư trú của bị đơn. Tuy nhiên, hiện ông Dương Văn T đã bỏ đi khỏi địa phương nhưng không thông báo cho chính quyền địa phương biết là đi đâu. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho bị đơn ông Dương Văn T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn ông Dương Văn T vẫn vắng mặt không có lý do, nên đã gây khó khăn, kéo dài việc giải quyết vụ án. Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho ông Dương Văn T.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào ý kiến của đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn là anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1977 và chị Bùi Ý Y, sinh năm 1980 (*Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ. L, huyện Đ. H, tỉnh K. T*) với bị đơn ông Dương Văn T (*Địa chỉ: Thôn Tân Lập B, xã Đ. H, huyện Đ. H, tỉnh K. T*) là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ. H được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Dương Văn T vắng mặt, Tòa án đã thực hiện tất cả các phương thức tổng đạt quy định tại Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để thông báo thụ lý, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn ông Dương Văn T theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã xác minh đúng như địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Dương Văn T tiếp tục vắng mặt, tuy nhiên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Dương Văn T

theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Vào khoảng trước năm 2021 vợ chồng anh D và chị Y có đứng ra nhận nợ phân bón cho ông Dương Văn T với số tiền là 55.000.000 đồng, sau đó vào ngày 24/5/2021 ông T đã nhận nợ số tiền trên với vợ chồng anh D, chị Y và hứa cuối năm 2021 sẽ trả. Nhưng đến thời hạn trả nợ anh D và chị Y đã đòi rất nhiều lần mà ông T không trả. Đến nay anh D và chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Văn T trả cho anh, chị số tiền gốc là 55.000.000 đồng và lãi từ ngày 24/5/2021 đến 24/8/2022 là 55.000.000 đồng X 15 tháng X 1% = 8.250.000 đồng. Tổng số tiền anh D và chị Y yêu cầu ông T phải trả là 63.250.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ anh D và chị Y cung cấp cho Tòa án giấy nhận nợ được viết bằng giấy kẻ ngang mực xanh đề ngày 24/5/2021 ghi tên anh T. Nguyên đơn có trình bày giấy nhận nợ là do ông T tự viết và ghi tên mình.

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của vụ án nhưng đến nay bị đơn cũng không có lời trình bày hoặc văn bản nào phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn anh D và chị Y đã đứng ra nhận nợ phân bón cho bị đơn ông Dương Văn T, đến ngày 24/5/2021 ông T đã tự viết giấy nhận nợ với số tiền 55.000.000 đồng của nguyên đơn. Do vậy, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết như trong giấy nhận nợ.

[3.2] Về lãi suất: Hợp đồng nhận nợ các bên không có thỏa thuận về lãi trong giấy nhận nợ, cũng không có căn cứ để làm rõ các bên có thỏa thuận nào khác về lãi suất, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên cũng không thể đối chất làm rõ. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật này.

Từ nội dung vụ án và các phân tích ở trên, có căn cứ chứng minh nội dung tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật và có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi.

[4] *Về án phí:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Dương Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là: 3.162.500 đồng (*Ba triệu một trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng*)

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; Điều 92, Điều 93, Điều 147; Điều 203; điểm b, khoản 2 Điều 227 Điều 235; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351; Điều 352; Điều 353; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Ý Ý đối với bị đơn ông Dương Văn T theo đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2022.

[2] Buộc bị đơn ông Dương Văn T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Ý Ý số tiền là 63.250.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*). Trong đó tiền gốc là: 55.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*), tiền lãi là 8.250.000 đồng (*Tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày anh Nguyễn Văn Dg và chị Bùi Ý Ý có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Dương Văn T không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Dương Văn T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 6; điều 18; khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị đơn ông Dương Văn T phải chịu số tiền 3.162.500 đồng (*Ba triệu một trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho đơn anh Nguyễn Văn D và chị Bùi Ý Ý số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. H, tỉnh K. T là 1.581.250 đồng (*Một triệu năm trăm tám mươi một ngàn hai trăm năm mươi đồng*) theo biên lai số AA/2021/0001711 ngày 25 tháng 10 năm 2022.

[4] Trong thời hạn hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án 31/3/2023) nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đ.N;
- TAND tỉnh K. T;
- VKSND huyện Đ. H;
- Chi cục THADS huyện Đ. H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Quách Văn N